

Bản án số: **01/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 03/01/2024

“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Cao Lâm.

2. Ông Trần Văn Bút.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 03/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2023 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04/12/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 83/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ma Thị D, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu A, xã N, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ma Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân H đăng ký kết hôn ngày 25/6/1999 tại UBND thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống với nhau tại tổ dân phố B, thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình vợ chồng chung sống thường hay mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến năm 2017 thì ông H bỏ nhà ra đi không thấy về nữa, để lại bà và hai con còn nhỏ. Ông bà đã ly thân từ năm 2017 tới nay, không quan

tâm chăm sóc gì tới nhau nữa. Hiện nay, ông H đang ở Khu A, xã N, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Bà đã nhiều lần nói chuyện với ông H về việc về chung sống với nhau cùng xây dựng gia đình, chăm lo cho con cái nhưng ông H không về nữa. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân này được nữa. Ông H và bà cùng thống nhất và làm giấy thoả thuận chọn Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang là Toà án giải quyết việc ly hôn. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Bà và ông H sinh được 02 người con là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 16/01/2000 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/7/2004. Cháu H1 bị bại não bẩm sinh, cháu đã mất vào ngày 01/01/2022. Cháu T hiện đã trưởng thành và đi làm, có thu nhập. Do đó, bà không đề nghị Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông bà tự thoả thuận, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Xuân H không hợp tác làm việc, ông H có khai báo nhưng không ký biên bản lấy lời khai, không ký nhận các văn bản tố tụng, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Mặc dù trước đó ông H và bà D cùng thống nhất lựa chọn Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết vụ án. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Ông H có khai báo trước Tòa án và đại diện chính quyền địa phương như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà D trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại tổ dân phố B, thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ông bà đã ly thân từ năm 2018 tới nay, không quan tâm chăm sóc gì tới nhau nữa. Ông về ở tại Khu A, xã N, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, còn bà D vẫn sinh sống ở tổ dân phố B, thị trấn S. Nay, bà D xin ly hôn với ông thì ông nhất trí.

Về con chung: Ông và bà D sinh được 02 người con là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 16/01/2000 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/7/2004. Cháu H1 bị bại não bẩm sinh, cháu đã mất vào ngày 01/01/2022. Cháu T hiện đã trưởng thành và đi làm. Do đó, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà D phải tự giải quyết tại Tòa án, còn ông không làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, đất đai, công nợ chung giữa hai vợ chồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc ly hôn là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ma Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

- Về án phí: Bà Ma Thị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Ma Thị D và ông Nguyễn Xuân H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/6/1999 tại UBND thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật xác định là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Xuân H có hộ khẩu thường trú tại Khu A, xã N, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ. Bà Ma Thị D có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố B, thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bà D và ông H có lập biên bản thoả thuận về việc lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang là Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn (bà D) để giải quyết vụ án ly hôn.

Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để giải quyết, ông H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Như vậy, ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của bà Ma Thị D, HĐXX nhận định:

Bà Ma Thị D và ông Nguyễn Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 25/6/1999 tại UBND thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2018 nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Ông H cũng nhất trí ly hôn với bà D nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến, không ký biên bản lấy lời khai đương sự.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà D là chính đáng và có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Ma Thị D là xử cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

[5] Về con chung: Bà Ma Thị D và ông Nguyễn Xuân H sinh được 02 người con là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 16/01/2000 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/7/2004. Cháu H1 bị bại não bẩm sinh, cháu đã chết vào ngày 01/01/2022. Cháu T hiện đã trưởng thành và đi làm, có thu nhập. Do đó, ông bà không đề nghị Toà án giải quyết về con chung nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung:

Bà D có quan điểm: Ông bà tự thoả thuận, bà không đề nghị Toà án giải quyết. Ông H có quan điểm: Bà D phải tự giải quyết tại Toà án, còn ông không làm đơn đề nghị Toà án giải quyết về tài sản, đất đai, công nợ chung giữa hai vợ chồng. Do đó, HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bà D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông H không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị D về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Xuân H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ma Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ma Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền 000000731817 ngày 20/10/2023 ký bởi Công ty cổ phần thanh toán quốc gia và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001153 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ông Nguyễn Xuân H không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Bút - Ngô Cao Lâm

Lê Tuấn Linh

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- UBND xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tuấn Linh